

**QUY ĐỊNH**  
**CÔNG TÁC ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC VĂN BẰNG THỨ HAI**  
**HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1121/QĐ-ĐHQN ngày 12 tháng 9 năm 2019  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng Nam)*

**Chương 1**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng**

1. Văn bản này quy định về đào tạo trình độ đại học văn bằng 2 hình thức vừa làm vừa học theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Quảng Nam, bao gồm: Quản lý, tổ chức đào tạo; Đánh giá kết quả học tập; Tổ chức coi thi, chấm thi, học lại, học cải thiện điểm; Nghỉ học tạm thời, bảo lưu kết quả học tập, miễn học, miễn thi; Trách nhiệm của các phòng, khoa, bộ môn và đơn vị quản lý đào tạo.

2. Quy định này áp dụng đối với các đơn vị chuyên môn; giảng viên, giáo viên (sau đây viết tắt là GV) và sinh viên trình độ đại học văn bằng 2 (SV) của Trường Đại học Quảng Nam.

**Điều 2. Mục đích**

1. Văn bằng đại học thứ hai là văn bằng cấp cho những người đã có ít nhất một bằng tốt nghiệp đại học, sau khi hoàn thành đầy đủ chương trình đào tạo đại học của ngành đào tạo mới, có đủ điều kiện để công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học.

2. Đào tạo để cấp bằng tốt nghiệp đại học thứ hai nhằm đáp ứng nhu cầu chuyển đổi nghề nghiệp, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng và nâng cao tính thích ứng của nguồn nhân lực trước đòi hỏi ngày càng tăng của xã hội.

3. Nhằm Tổ chức, quản lý thực hiện công tác đào tạo trình độ đại học văn bằng 2 trong Nhà trường theo đúng các Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Điều 3. Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần**

1. Chương trình đào tạo trình độ đại học văn bằng 2 của Nhà trường theo hệ thống tín chỉ, chương trình đào tạo cần thể hiện rõ: mục tiêu đào tạo, chuẩn kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, trình độ ngoại ngữ, Tin học của người học khi tốt nghiệp; khối lượng kiến thức toàn khóa; Đối tượng tuyển sinh; Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp; Cách thức đánh giá kết quả học tập, ...

2. Chương trình đào tạo trình độ đại học văn bằng 2 được xây dựng dựa trên việc so sánh giữa chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy của Trường Đại học Quảng Nam với những chương trình tốt nghiệp đại học chính quy khác. Việc xây dựng các chương trình đào tạo văn bằng 2 được thực hiện theo nguyên tắc bù đủ những kiến thức còn thiếu và cập nhật kiến thức mới phù hợp với thực tiễn;

3. Đề cương chi tiết của từng học phần phải thể hiện rõ số lượng tín chỉ, điều kiện tiên quyết (nếu có), nội dung lý thuyết và thực hành, cách thức đánh giá học phần, giáo trình, tài liệu tham khảo và điều kiện thí nghiệm, thực hành, thực tập phục vụ học phần.

4. Hiệu trưởng ban hành chương trình đào tạo đại học bằng thứ 2 với khối lượng của mỗi chương trình tối thiểu là 120 tín chỉ (không tính số tín chỉ/đơn vị học trình Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng&An ninh) được thực hiện từ 2,5 năm đến 3 năm.

#### **Điều 4. Học phần và Tín chỉ**

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Phần lớn học phần có khối lượng từ 02 đến 04 tín chỉ, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Từng học phần phải được ký hiệu bằng một mã số riêng do Trường quy định.

2. Có hai loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

a) Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy;

b) Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của Trường nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

3. Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; bằng 30 - 45 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; bằng 45 - 90 giờ thực tập tại cơ sở; bằng 45 - 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được 01 tín chỉ sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.

4. Một tiết học có thời lượng là 50 phút.

### **Chương 2**

## **QUẢN LÝ, TỔ CHỨC ĐÀO TẠO**

#### **Điều 5. Thời gian khoá học và thời gian hoạt động giảng dạy**

1. Thời gian đào tạo là thời gian được thiết kế để người học hoàn thành một chương trình đào tạo và đủ điều kiện để nhận bằng tốt nghiệp. Thời gian đào tạo trình độ đại học văn bằng 2 được thực hiện từ 2,5 năm đến 3 năm.

2. Thời gian tối đa để người học hoàn thành chương trình đào tạo bao gồm thời gian thiết kế để người học hoàn thành một chương trình đào tạo cộng thêm tối đa 2 năm.

Tùy theo điều kiện đào tạo của nhà trường, Hiệu trưởng quy định thời gian tối đa cho mỗi chương trình, nhưng không được vượt quá hai lần so với thời gian thiết kế cho chương trình đó.

Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

3. Một năm học có hai học kỳ chính, ngoài hai học kỳ chính, Nhà trường tổ chức thêm một kỳ học phụ để sinh viên có điều kiện được học lại; học cải thiện, học bù hoặc học vượt.

#### **Điều 6. Kế hoạch thời gian đào tạo**

1. Trước khi bắt đầu năm học, Phòng Đào tạo xây dựng Kế hoạch thời gian đào tạo cho cả năm học để trình Hiệu trưởng phê duyệt và triển khai, tổ chức thực hiện.

2. Căn cứ vào Kế hoạch thời gian đào tạo, chương trình đào tạo đã được Hiệu trưởng phê duyệt, Trưởng các Khoa, Trưởng Bộ môn kiểm tra việc thực hiện kế hoạch, chương trình đào tạo của các lớp do đơn vị mình quản lý. Cuối mỗi năm học, Trưởng các Khoa, trưởng các Bộ môn cùng Phòng Đào tạo rà soát lại việc thực hiện kế hoạch giảng dạy đối với tất cả các lớp, nhất là đối với lớp sắp kết thúc thời gian đào tạo để có kế hoạch bổ sung kịp thời những học phần còn thiếu.

3. Trong quá trình thực hiện chương trình đào tạo, nếu buộc phải thay đổi thứ tự các học phần so với kế hoạch giảng dạy trong chương trình đào tạo thì Trưởng khoa gửi tờ trình về Phòng Đào tạo để tham mưu cho Lãnh đạo Nhà trường phê duyệt, nếu buộc phải thay đổi học phần này bằng học phần khác hoặc thay đổi tên, thời lượng, nội dung các học phần so với chương trình đào tạo thì Trưởng khoa gửi tờ trình về Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Quốc tế để tham mưu cho Lãnh đạo Nhà trường phê duyệt.

#### **Điều 7. Phân công giảng dạy, mời giảng viên thỉnh giảng**

Việc phân công giảng dạy, mời giảng viên thỉnh giảng đào tạo trình độ đại học văn bằng 2 được thực hiện như Điều 4, 5 Quy định về công tác đào tạo trình độ đại học, cao đẳng sư phạm ban hành kèm theo Quyết định số 1609/QĐ-ĐHQN ngày 14/12/2018.

#### **Điều 8. Xếp lịch giảng dạy**

1. Trên cơ sở Kế hoạch thời gian đào tạo, phân công giảng dạy đã được duyệt và điều kiện thực tế của Nhà trường, Phòng Đào tạo tiến hành xếp lịch giảng dạy.

2. Thời gian hoạt động giảng dạy:

Thời gian dạy và học của các lớp đại học văn bằng thứ 2 hình thức vừa làm vừa học chủ yếu được bố trí ngoài giờ hành chính: thứ 7, chủ nhật hoặc buổi tối (từ 17 giờ 30 đến 21 giờ 00).

#### **Điều 9. Quản lý hồ sơ chuyên môn, nề nếp và đánh giá chất lượng giảng dạy**

Việc quản lý hồ sơ chuyên môn, nề nếp và sinh hoạt chuyên môn được thực hiện như Điều 7 Quy định về công tác đào tạo trình độ đại học, cao đẳng sư phạm ban hành kèm theo Quyết định số 1609/QĐ-ĐHQN ngày 14/12/2018.

### **Chương 3**

#### **ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CÁC HỌC PHẦN**

#### **Điều 10. Điểm học phần và cách tính điểm trung bình chung tích lũy**

1. Học phần lý thuyết hoặc lý thuyết kết hợp với thực hành

- Điểm học phần (ĐHP) gồm hai thành phần điểm là điểm quá trình (ĐQT) - hệ số 4 và điểm thi kết thúc học phần (ĐT) - hệ số 6:

$$\text{ĐHP} = (\text{ĐQT} \times 4 + \text{ĐT} \times 6) / 10$$

+ Điểm quá trình gồm hai thành phần điểm là điểm chuyên cần và thái độ (ĐCC) -

hệ số 1 và điểm kiểm tra giữa học phần (ĐKT) - hệ số 3:

$$\text{ĐQT} = (\text{ĐCC} + \text{ĐKT} \times 3)/4$$

+ Điểm quá trình do GV giảng dạy tự quyết định (ra đề, kiểm tra, chấm điểm).

+ Số cột điểm thành phần của mỗi học phần được quy định như sau:

Số tín chỉ	Số cột điểm quá trình		Hệ số điểm thi kết thúc học phần
	Chuyên cần & thái độ (Hệ số 1)	Kiểm tra giữa học phần (Hệ số 3)	
Từ 2 TC trở xuống	1	1	6
Từ 3 TC trở lên	1	2	6

+ Đối với các học phần có nhiều bài kiểm tra giữa học phần thì điểm kiểm tra giữa học phần là điểm trung bình cộng các lần kiểm tra. Hình thức kiểm tra do GV quy định và tự tổ chức ra đề, kiểm tra, chấm điểm.

## 2. Học phần chỉ có thực hành

Đối với các học phần chỉ có thực hành thì không tổ chức thi kết thúc học phần mà điểm học phần là trung bình cộng điểm các bài thực hành. Sinh viên phải làm đầy đủ các bài thực hành. Nếu vắng không có lý do bài thực hành nào thì bị điểm 0 bài thực hành đó.

3. Thang điểm: Điểm học phần và các thành phần điểm của nó được chấm theo thang điểm 10 và làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được chuyển thành điểm chữ và chuyển sang thang điểm 4, như sau:

Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4	Xếp loại
Từ 8,5 đến 10	A	4,0	Giỏi
Từ 7,8 đến 8,4	B <sup>+</sup>	3,5	Khá
Từ 7,0 đến 7,7	B	3,0	
Từ 6,3 đến 6,9	C <sup>+</sup>	2,5	Trung bình
Từ 5,5 đến 6,2	C	2,0	
Từ 4,8 đến 5,4	D <sup>+</sup>	1,5	Trung bình yếu
Từ 4,0 đến 4,7	D	1,0	
Dưới 4,0	F	0	Kém (không đạt)

## 4. Cách tính điểm trung bình chung tích lũy:

Điểm TBC học kỳ và điểm TBCTL được tính tự động bằng phần mềm, theo thang điểm 4, với công thức sau và được làm tròn đến một chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là điểm TBC học kỳ hoặc điểm TBCTL

$a_i$  là điểm của học phần thứ i (theo thang điểm 4)

$n_i$  là số tín chỉ của học phần thứ i

n là tổng số học phần.

### **Điều 11. Điều kiện dự thi, hình thức thi và thời gian làm bài thi kết thúc học phần**

1. Điều kiện dự thi, hình thức thi học phần được quy định và ghi trong đề cương chi tiết học phần, thực hiện thống nhất. Trong buổi lên lớp đầu tiên đối với học phần thuộc từng kỳ học/đợt học, giảng viên có trách nhiệm thông báo công khai và cung cấp đề cương chi tiết học phần (đã được phê duyệt) cho lớp.

Điều kiện dự thi học phần của sinh viên đại học văn bằng thứ 2 thực hiện theo quy định như đối với sinh viên đại học hệ chính quy về đào tạo theo hình thức tín chỉ tại Trường.

2. Sinh viên dự thi phải mang thẻ sinh viên và thực hiện đúng quy chế thi cũng như quy định của nhà trường về thời gian, trang phục.

3. Hình thức thi và thời gian làm bài thi kết thúc học phần được thực hiện như Điều 11, 12 Quy định về công tác đào tạo trình độ đại học, cao đẳng sư phạm ban hành kèm theo quyết định số 1609/QĐ-ĐHQN ngày 14/12/2018.

### **Điều 12. Bài tập lớn, tiểu luận**

Quy định điều kiện được làm bài tập lớn, làm tiểu luận và chấm bài tập lớn, chấm bài tiểu luận học phần được thực hiện như Điều 13 Quy định về công tác đào tạo trình độ đại học, cao đẳng sư phạm ban hành kèm theo quyết định số 1609/QĐ-ĐHQN ngày 14/12/2018.

## **Chương 4**

### **TỔ CHỨC COI THI, CHẤM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN VÀ TỔ CHỨC HỌC LẠI, HỌC CẢI THIỆN ĐIỂM**

#### **Điều 13. Tổ chức thi, coi thi kết thúc học phần**

1. Mỗi năm học, Phòng Đào tạo tham mưu cho Hiệu trưởng thành lập Ban chỉ đạo thi kết thúc học phần.

2. Phòng Đào tạo có trách nhiệm lên lịch thi, tổ chức thi kết thúc học phần. Việc tổ chức thi kết thúc học phần được thực hiện theo Quy chế thi tuyển sinh của Bộ Giáo dục & Đào tạo. Mỗi học kỳ có một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ (để tổ chức thi lại, thi bổ sung). Đối với kỳ thi phụ thì tùy theo tình hình thực tế mà Phòng Đào tạo bố trí cho hợp lý nhưng ít nhất là 01 tuần sau khi kỳ thi chính kết thúc.

3. Trước kỳ thi kết thúc học phần, Phòng Đào tạo thông báo cho các khoa chuyên môn tổ chức cho GV đăng ký coi thi và tổng hợp gửi về Phòng Đào tạo để phân công GV coi thi đảm bảo số lượng và yêu cầu theo lịch thi. Mỗi phòng thi có 02 cán bộ coi thi đối với dạng đề thi đóng và 01 cán bộ coi thi đối với dạng đề thi mở, trung bình 04 phòng thi thì có một cán bộ giám sát.

4. GV tham gia coi thi phải thực hiện đúng quy chế thi và quy định của Nhà trường về giờ giấc, trang phục. Trường hợp nghỉ coi thi phải có đơn xin phép và được Trưởng khoa xác nhận, đồng thời phải đề xuất người coi thi thay thế gửi về thường trực ban coi thi.

#### **Điều 14. Chấm thi kết thúc học phần**

Các quy định về chấm thi kết thúc học phần được thực hiện như Điều 17 Quy định về công tác đào tạo trình độ đại học, cao đẳng sư phạm ban hành kèm theo Quyết định số 1609/QĐ-ĐHQN ngày 14/12/2018.

#### **Điều 15. Hình thức xử lý sinh viên vi phạm quy chế**

1. Khiển trách: Áp dụng đối với những sinh viên phạm lỗi một lần: nhìn bài của bạn, trao đổi, thảo luận với bạn. Sinh viên bị khiển trách trong khi thi học phần nào sẽ bị trừ 25% số điểm thi của học phần đó.

2. Cảnh cáo: Áp dụng đối với các sinh viên vi phạm một trong các lỗi sau:

a) Đã bị khiển trách một lần nhưng trong giờ thi học phần đó vẫn tiếp tục vi phạm quy chế.

b) Trao đổi bài làm hoặc giấy nháp cho bạn.

c) Chép bài của người khác. Những bài thi đã có kết luận là giống nhau thì xử lý như nhau. Nếu người bị xử lý có đủ bằng chứng chứng minh mình thực sự bị quay cốp thì Trưởng đơn vị tổ chức thi có thể xem xét giảm từ mức kỷ luật cảnh cáo xuống mức khiển trách hoặc miễn truy cứu.

Sinh viên bị kỷ luật cảnh cáo trong khi thi học phần nào sẽ bị trừ 50% số điểm bài thi của học phần đó.

3. Đình chỉ thi: Áp dụng đối với các sinh viên vi phạm một trong các lỗi sau:

a) Đã bị cảnh cáo một lần nhưng trong giờ thi học phần đó vẫn tiếp tục vi phạm quy chế.

b) Mang tài liệu hoặc điện thoại vào phòng thi.

c) Đưa đề thi ra ngoài hoặc nhận bài giải từ ngoài vào phòng thi.

d) Viết vẽ những nội dung không liên quan đến bài thi.

e) Có hành động gây gổ, đe dọa cán bộ có trách nhiệm trong kỳ thi hay đe dọa sinh viên khác.

Sinh viên bị kỷ luật đình chỉ thi trong khi thi học phần nào sẽ bị điểm 0 học phần đó; phải nộp lại bài làm và đề thi cho cán bộ coi thi (CBCT).

4. Xử lý thi hộ và nhờ người khác thi hộ:

Sinh viên nhờ người khác thi hộ hoặc làm bài hộ cho người khác dưới mọi hình thức, dùng bài của người khác để nộp thì bị xử lý như sau:

a) Vi phạm lần thứ nhất (trong toàn khóa học):

- Người nhờ thi hộ: nhận điểm 0 (không) của học phần đó và bị đình chỉ học tập 01 năm kể từ ngày vi phạm.

- Người thi hộ: là sinh viên của Trường thì bị đình chỉ học tập 01 năm kể từ ngày vi phạm. Nếu người thi hộ đến từ nơi khác, Nhà trường thông báo nội dung vi phạm về nơi cư trú, học tập và công tác của người đó.

b) Vi phạm lần thứ hai (trong toàn khóa học): buộc thôi học.

c) Khi phát hiện sinh viên đi thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ thì CBCT lập biên bản thu giữ giấy tờ tùy thân, thẻ sinh viên và yêu cầu sinh viên đến làm việc với bộ phận tổ chức thi hoặc Trường Phòng Đào tạo.

5. Việc xử lý kỷ luật sinh viên trong khi thi do CBCT lập biên bản, ghi rõ hình thức kỷ luật trong biên bản, đồng thời ghi chú trên Danh sách dự thi và trên túi đựng bài thi (thí dụ ghi “Khiển trách, trừ 25% điểm”, “Cảnh cáo, trừ 50% điểm”,...) và công bố cho sinh viên biết. Nếu sinh viên không chịu ký tên vào biên bản thì các CBCT ký tên vào biên bản và biên bản vẫn có giá trị. Các hình thức kỷ luật cảnh cáo toàn Trường, đình chỉ học tập, buộc thôi học do Hiệu trưởng ra quyết định.

6. Các trường hợp vi phạm khác tùy mức độ nặng nhẹ sẽ áp dụng một trong các hình thức kỷ luật đã nêu trên.

#### **Điều 16. Tổ chức học lại, học cải thiện điểm**

Các quy định về học lại, học cải thiện và việc tổ chức học lại, học cải thiện, xử lý kết quả học lại, học cải thiện đối với sinh viên trình độ đại học văn bằng 2 được thực hiện như Điều 20, 21, 22, 23 Quy định về công tác đào tạo trình độ đại học, cao đẳng sư phạm ban hành kèm theo Quyết định số 1609/QĐ-ĐHQN ngày 14/12/2018.

#### **Điều 17. Kinh phí thi lại, học lại, học cải thiện điểm**

Việc thu chi kinh phí tổ chức thi lại, học lại, học cải thiện điểm được thực hiện theo quy định riêng được Hiệu trưởng phê duyệt.

### **Chương 5**

## **NGHỈ HỌC TẠM THỜI, BẢO LƯU KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ MIỄN HỌC, MIỄN THI MỘT SỐ HỌC PHẦN**

#### **Điều 18. Nghỉ học tạm thời, bảo lưu kết quả học tập**

1. Sinh viên được quyền viết đơn gửi Hiệu trưởng xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

a) Được điều động vào các lực lượng vũ trang;

b) Bị ốm hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, nhưng phải có giấy xác nhận của cơ quan y tế;

c) Vì nhu cầu cá nhân. Trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở trường, không rơi vào các trường hợp bị buộc thôi học sau và phải đạt điểm trung bình chung tích lũy không dưới 2,00:

- Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại trường.

- Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ hoặc bị kỷ luật ở mức xoá tên khỏi danh sách sinh viên của trường.

- Bị buộc thôi học theo quy định tại Quy chế học sinh, sinh viên.

Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính thức.

2. Sau khi hết thời hạn nghỉ học tạm thời, sinh viên muốn trở lại học tiếp tại trường, phải viết đơn gửi Hiệu trưởng ít nhất một tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới.

### **Điều 19. Miễn học, miễn thi một số học phần**

1. Miễn học, miễn thi môn học Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng được thực hiện như Điều 37, 43 Quy định về công tác đào tạo trình độ đại học, cao đẳng sư phạm ban hành kèm theo Quyết định số 1609/QĐ-ĐHQN ngày 14/12/2018.

2. Sinh viên được miễn học, miễn thi kết thúc môn học đối với môn học Lý luận Chính trị: Triết học Mác - Lê nin, Kinh tế chính trị Mác - Lê nin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng cộng sản Việt nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh trong trường hợp người học đã tốt nghiệp chương trình từ trình độ tương đương hoặc có văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp chương trình trung cấp, cao cấp lý luận chính trị hoặc tương đương.

3. Sinh viên được miễn học, miễn thi kết thúc môn học Ngoại ngữ thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong trường hợp người học đã có chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

4. Sinh viên được miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tin học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong trường hợp người học có kết quả kiểm tra đầu vào của Trường đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc tốt nghiệp ngành Công nghệ thông tin từ trình độ trung cấp trở lên.

Sinh viên nộp Đơn xin miễn học, miễn thi và bản photo công chứng các giấy tờ liên quan đến việc miễn học, miễn thi được quy định tại khoản 1,2,3,4 điều này về Phòng Đào tạo. Phòng Đào tạo tham mưu Hiệu trưởng quyết định thành lập Hội đồng xét miễn và công nhận điểm học phần.

## **Chương 6**

### **ĐÀO TẠO MÔN HỌC GIÁO DỤC THỂ CHẤT, GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG & AN NINH**

#### **Điều 20. Chương trình giảng dạy và khối lượng kiến thức môn học Giáo dục thể chất**

1. Chương trình môn học Giáo dục thể chất (GDTC) đối với trình độ đại học văn bằng 2 được thực hiện theo Chương trình môn học GDTC theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 335/QĐ-ĐHQN ngày 19/07/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng Nam.

Đề cương chi tiết của từng học phần GDTC được Lãnh đạo trường phê duyệt và thông báo tới sinh viên khi bắt đầu môn học.

Các học phần trong môn học GDTC giảng dạy cho sinh viên trình độ đại học văn bằng 2 bao gồm:

<b>Khối lớp</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Số TC</b>	<b>Loại TC</b>
-----------------	---------------------	--------------	----------------



<b>Đại học</b>	GDTC 1	1	Bắt buộc
	GDTC 2	1	Bắt buộc
	GDTC 3	1	Tự chọn
	GDTC 4	1	Tự chọn

2. Sinh viên trình độ đại học văn bằng 2 phải tích lũy đủ 04 (bốn) tín chỉ, trong đó GDTC 1, GDTC 2 là học phần bắt buộc.

### **Điều 21. Chương trình giảng dạy và khối lượng kiến thức môn học GDQP&AN**

1. Chương trình môn học Giáo dục Quốc phòng và An ninh (GDQP&AN) đối với trình độ đại học văn bằng 2 được thực hiện theo Thông tư số 03/2017/TT-BGDĐT ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường TCSP, CĐSP và cơ sở giáo dục đại học.

Đề cương chi tiết của từng học phần GDQP&AN được lãnh đạo trường phê duyệt và thông báo tới sinh viên khi bắt đầu môn học.

Các học phần trong môn học GDQP&AN giảng dạy cho sinh viên trình độ đại học văn bằng 2 bao gồm gồm:

<b>Khối lớp</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Số Tiết</b>	<b>Loại HP</b>
<b>Đại học</b>	GDQP 1	{30}	Bắt buộc
	GDQP 2	{30}	Bắt buộc
	GDQP 3	{85}	Bắt buộc
	GDQP 4	{20}	Bắt buộc

2. Sinh viên trình độ đại học văn bằng 2 phải hoàn thành đủ 04 học phần GDQP&AN theo quy định.

### **Điều 22. Kiểm tra, đánh giá học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng&An ninh**

1. Các quy định về điều kiện dự thi, cách đánh giá kết quả học phần, đánh giá môn học Giáo dục thể chất được thực hiện như Điều 35 Quy định về công tác đào tạo trình độ đại học, cao đẳng sư phạm ban hành kèm theo Quyết định số 1609/QĐ-ĐHQN ngày 14/12/2018.

2. Các quy định về điều kiện dự thi, cách đánh giá kết quả học phần, đánh giá môn học Giáo dục Quốc phòng&An ninh được thực hiện như Điều 41 Quy định về công tác đào tạo trình độ đại học, cao đẳng sư phạm ban hành kèm theo Quyết định số 1609/QĐ-ĐHQN ngày 14/12/2018.

### **Điều 23. Tổ chức thi kết thúc học phần, học lại, học cải thiện các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng&An ninh**

1. Đối với các học phần môn học GDTC, sinh viên trình độ đại học bằng thứ 2 được tham dự thi kết thúc học phần 1 lần. Trường hợp sinh viên có tham gia học tập và đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần nhưng vì lý do chính đáng nào đó không thể dự thi thì được dự thi đợt thi bổ sung. Trường hợp này, sinh viên phải có đơn xin phép chậm

nhất ba ngày sau ngày thi môn đó, có minh chứng lý do kèm theo và được xác nhận của Giáo viên chủ nhiệm, khoa chuyên môn. Kết quả lần thi bổ sung được tính như kết quả của lần thi chính thức.

- Sinh viên không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần và sinh viên có điểm tổng kết học phần không đạt ( $<4,0$ ) thì phải làm thủ tục đăng ký học lại theo quy định của Trường Đại học Quảng Nam.

- Sinh viên có điểm tổng kết học phần là điểm D, D<sup>+</sup> được quyền đăng ký học cải thiện lại học phần đó. Điểm tổng kết học phần là điểm tổng kết học phần cao nhất qua các lần học.

- Trường hợp sinh viên có điểm tổng kết các học phần môn học GDTC đạt nhưng điểm trung bình chung tích lũy môn học GDTC  $< 2,00$  (theo thang điểm 4) thì sinh viên phải đăng ký học cải thiện một hoặc một vài học phần GDTC cho đến khi điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2,00 trở lên.

2. Đối với các học phần môn học GDQP&AN, sinh viên trình độ đại học văn bằng 2 được tham dự thi kết thúc học phần 2 lần. Nếu kết quả điểm học phần (ĐHP) thi lần 1 không đạt (dưới 5,0) thì sinh viên được dự thi thêm một lần nữa ở kỳ thi khác do Trường tổ chức.

- Trường hợp sinh viên có tham gia học tập và đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần nhưng vì lý do chính đáng nào đó không thể dự thi thì được dự thi đợt thi bổ sung. Trường hợp này, sinh viên phải có đơn xin phép chậm nhất ba ngày sau ngày thi môn đó, có minh chứng lý do kèm theo và được xác nhận của Giáo viên chủ nhiệm, khoa chuyên môn. Kết quả lần thi bổ sung được tính như kết quả của lần thi chính thức.

- Sinh viên không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần hoặc đã hết số lần dự thi nhưng điểm học phần (ĐHP) không đạt (dưới 5,0) thì phải làm thủ tục đăng ký học lại theo quy định của nhà trường.

#### **Điều 24. Điều kiện cấp chứng chỉ và xếp loại môn học Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng&An ninh**

1. Các quy định về điều kiện cấp chứng chỉ GDTC, xếp loại học tập môn học GDTC được thực hiện như Điều 38 Quy định về công tác đào tạo trình độ đại học, cao đẳng sư phạm ban hành kèm theo Quyết định số 1609/QĐ-ĐHQN ngày 14/12/2018.

2. Các quy định về điều kiện cấp chứng chỉ GDQP&AN, xếp loại học tập môn học GDQP&AN được thực hiện như Điều 44 Quy định về công tác đào tạo trình độ đại học, cao đẳng sư phạm ban hành kèm theo Quyết định số 1609/QĐ-ĐHQN ngày 14/12/2018.

### **Chương 7**

#### **THỰC TẬP TỐT NGHIỆP, KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP VÀ XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP**

##### **Điều 25. Thực tập tốt nghiệp**

Các quy định về điều kiện, cách tổ chức cho sinh viên học thực tế, thực tập tốt nghiệp, phân công trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc nhà trường được thực hiện như Điều 31 Quy định về công tác đào tạo trình độ đại học, cao đẳng sư phạm ban hành kèm theo Quyết định số 1609/QĐ-ĐHQN ngày 14/12/2018.

## **Điều 26. Tổ chức làm khoá luận tốt nghiệp hoặc học các học phần thay thế**

Cuối học kỳ 2 năm cuối (năm thứ 2), sinh viên được đăng ký và chuẩn bị các điều kiện để làm khoá luận tốt nghiệp (KLTN).

a) Để nhận được đề tài khoá luận tốt nghiệp, sinh viên phải tích lũy đủ số lượng tín chỉ được quy định trong chương trình đào tạo tính đến hết học kỳ 4 và thoả mãn các điều kiện được quy định tại Điều 26 của Quy định này.

b) Căn cứ vào điều kiện quy định, khả năng hướng dẫn của GV, khoa tổ chức đăng ký, xét và lập danh sách đề nghị Hiệu trưởng duyệt danh sách đủ điều kiện làm khoá luận.

c) Sinh viên không được giao làm khoá luận tốt nghiệp phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn theo quy định trong chương trình của từng chuyên ngành để tích lũy đủ số tín chỉ theo yêu cầu công nhận tốt nghiệp.

## **Điều 27. Khoá luận tốt nghiệp (KLTN)**

1. Điều kiện để sinh viên được đăng ký làm KLTN:

- Sinh viên phải có phiếu đăng ký làm KLTN có sự đồng ý của Trưởng khoa (mẫu phiếu đăng ký đã có theo quy định của Phòng Đào tạo). Quá thời gian đăng ký, sinh viên phải học các học phần thay thế.

- Đã có 01 tiểu luận chuyên ngành đạt kết quả điểm B trở lên.

- Điểm trung bình chung tích lũy từ học kỳ 1 đến học kỳ 4 đạt từ 3,0 trở lên (theo kết quả thi lần đầu).

- Số học phần phải học lại trong 2 học kỳ 3 và 4 không quá 01 học phần.

- Số lượng SV làm khóa luận tốt nghiệp không quá 20% tổng số SV cùng chuyên ngành của khóa tuyển sinh.

2. Điều kiện để giảng viên hướng dẫn KLTN, cách đánh giá KLTN và quy trình thực hiện KLTN được thực hiện như khoản 2,3,4 Điều 46 Quy định về công tác đào tạo trình độ đại học, cao đẳng sư phạm ban hành kèm theo Quyết định số 1609/QĐ-ĐHQN ngày 14/12/2018.

## **Điều 28. Xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp**

1. Việc xét và công nhận tốt nghiệp đối với từng loại hình đào tạo được thực hiện đúng theo Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và các Quy định về chuẩn đầu ra Ngoại ngữ và Tin học của trường Đại học Quảng Nam.

2. Để xét và công nhận tốt nghiệp, phòng Đào tạo tham mưu Hiệu trưởng thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp. Hội đồng xét tốt nghiệp do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền làm Chủ tịch, Trưởng phòng Đào tạo làm Thư ký và các thành viên là các trưởng khoa chuyên môn, trưởng phòng công tác sinh viên.

3. Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

4. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

## **Chương 8**

### **QUẢN LÝ VÀ CẤP PHÁT BẰNG TỐT NGHIỆP**

#### **Điều 29. Việc quản lý, cấp phát bằng tốt nghiệp**

1. Căn cứ quy chế và kết quả học tập, phòng Đào tạo tham mưu lãnh đạo ra quyết định công nhận và cấp bằng tốt nghiệp, chứng chỉ.

2. Việc quản lý, cấp phát văn bằng, chứng chỉ thực hiện đúng Quy chế văn bằng, chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân ban hành kèm theo Thông tư số 19/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 09 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Phòng Hành chính – Quản trị quản lý và cấp phát phôi bằng, chứng chỉ.

- Phòng Đào tạo thực hiện in và phát bằng, chứng chỉ theo quy định.

3. Phòng Đào tạo có trách nhiệm lưu trữ theo quy định kết quả học tập của SV. Hiệu trưởng ủy quyền cho phòng Đào tạo xác nhận kết quả học tập cho sinh viên.

## **Chương 9**

### **XỬ LÝ VI PHẠM**

#### **Điều 30. Xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm**

1. Các đơn vị trực thuộc, giảng viên, viên chức vi phạm Quy định này tùy theo mức độ vi phạm có thể bị xử lý bằng các hình thức khác nhau, Lãnh đạo Nhà trường ra quyết định thành lập Hội đồng kỷ luật để xử lý theo quy định hiện hành của pháp luật.

2. Sinh viên vi phạm quy định về thi, kiểm tra bị xử lý theo quy định tại Điều 15 của Quy định này và tùy theo mức độ vi phạm, có thể bị xử lý bằng các hình thức khác theo quy định hiện hành của pháp luật.

## **Chương 10**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 31. Tổ chức thực hiện**

1. Trưởng các Khoa, Tổ chuyên môn triển khai quy định này đến toàn thể cán bộ, GV, SV trong đơn vị.

2. Các Phòng chức năng, các Khoa chuyên môn phối hợp chặt chẽ để thực hiện. Phòng Đào tạo chịu trách nhiệm tổ chức giao ban với giáo vụ các Khoa chuyên môn theo định kỳ để nắm bắt tình hình thực hiện quy định này.

3. Phòng Đào tạo có kế hoạch tập huấn quy định công tác đào tạo cho Giáo vụ khoa và quán triệt các quy chế chuyên môn cho toàn thể GV.

4. Bộ phận thanh tra xây dựng kế hoạch thanh tra công tác chuyên môn cho cả năm và có kế hoạch kiểm tra, dự giờ đột xuất.

5. Phòng Công tác sinh viên cập nhật quy định này vào sổ tay sinh viên và hướng dẫn cho sinh viên thực hiện.

6. Sinh viên trình độ đại học văn bằng 2

a) Được cung cấp nội dung chương trình, kế hoạch đào tạo chung toàn khoá học; thời khoá biểu và lịch thi; các quy định của trường về tổ chức đào tạo, thi, kiểm tra, đánh giá, công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp đại học.

- b) Được bố trí cố vấn học tập.
- c) Được cấp và sử dụng 01 tài khoản cá nhân trong hệ thống phần mềm quản lý đào tạo của trường trong thời gian học.
- d) Phải tích cực chủ động nghiên cứu nội dung chương trình, kế hoạch đào tạo, thời khoá biểu của khoá học để xây dựng kế hoạch học tối ưu.
- e) Nghiên cứu, thực hiện đúng quy định của trường về đào tạo theo hệ thống tín chỉ và các quy định khác; Thường xuyên vào tài khoản để cập nhật thông báo, thông tin của Trường phục vụ cho quá trình đào tạo; Chịu trách nhiệm bảo mật tài khoản cá nhân.
- f) Chủ động theo dõi kết quả kiểm tra đánh giá, điểm thi học phần, tự tính điểm từng học phần và toàn khoá theo quy định này.
- g) Tự giác chấp hành các quy định về kỷ luật học tập trên lớp, hoàn thành các yêu cầu thực hành, làm bài tập, thảo luận, thực tập theo sự hướng dẫn của giảng viên giảng dạy.
- h) Nộp học phí đầy đủ theo quy định của Trường. Nếu không hoàn thành học phí của kỳ học, người học sẽ không được công nhận kết quả học tập.

7. Lãnh đạo Nhà trường, Trường các Phòng chức năng tăng cường kiểm tra việc thực hiện quy chế chuyên môn trong công tác quản lý, giảng dạy các lớp đại học văn bằng 2.

### **Điều 32. Điều khoản thi hành**

1. Quy định này áp dụng cho đào tạo trình độ đại học văn bằng 2 hình thức vừa làm vừa học của Trường Đại học Quảng Nam từ năm học 2019-2020. Tất cả giảng viên, sinh viên thực hiện nghiêm túc quy định này.

2. Tất cả các nội dung có liên quan đến công tác đào tạo trình độ đại học văn bằng 2 không nêu trong quy định này đều phải thực hiện nghiêm túc theo các quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định khác của pháp luật. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề nảy sinh, các đơn vị phản ánh với Nhà trường thông qua Phòng Đào tạo để trình Hiệu trưởng xem xét quyết định./.

**HIỆU TRƯỞNG**

**(Đã ký)**

**PGS.TS. Huỳnh Trọng Dương**

## MỤC LỤC:

Chương 1_NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG .....	1
Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng .....	1
Điều 2. Mục đích .....	1
Điều 3. Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần .....	1
Điều 4. Học phần và Tín chỉ .....	2
Chương 2 QUẢN LÝ, TỔ CHỨC ĐÀO TẠO .....	2
Điều 5. Thời gian khoá học và thời gian hoạt động giảng dạy .....	2
Điều 6. Kế hoạch thời gian đào tạo .....	3
Điều 7. Phân công giảng dạy, mời giảng viên thỉnh giảng .....	3
Điều 8. Xếp lịch giảng dạy .....	3
Điều 9. Quản lý hồ sơ chuyên môn, nề nếp và đánh giá chất lượng giảng dạy .....	3
Chương 3 ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CÁC HỌC PHẦN .....	3
Điều 10. Điểm học phần và cách tính điểm trung bình chung tích lũy .....	3
Điều 11. Điều kiện dự thi, hình thức thi và thời gian làm bài thi kết thúc học phần .....	5
Điều 12. Bài tập lớn, tiểu luận .....	5
Chương 4 TỔ CHỨC COI THI, CHẤM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN VÀ TỔ CHỨC HỌC LẠI, HỌC CẢI THIỆN ĐIỂM .....	5
Điều 13. Tổ chức thi, coi thi kết thúc học phần .....	5
Điều 14. Chấm thi kết thúc học phần .....	6
Điều 15. Hình thức xử lý sinh viên vi phạm quy chế .....	6
Điều 16. Tổ chức học lại, học cải thiện điểm .....	7
Điều 17. Kinh phí thi lại, học lại, học cải thiện điểm .....	7
Chương 5 NGHỈ HỌC TẠM THỜI, BẢO LƯU KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ MIỄN HỌC, MIỄN THI MỘT SỐ HỌC PHẦN .....	7
Điều 18. Nghỉ học tạm thời, bảo lưu kết quả học tập .....	7
Điều 19. Miễn học, miễn thi một số học phần .....	8
Chương 6 ĐÀO TẠO MÔN HỌC GIÁO DỤC THỂ CHẤT, GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG&AN NINH .....	8
Điều 20. Chương trình giảng dạy và khối lượng kiến thức môn học Giáo dục thể chất .....	8
Điều 21. Chương trình giảng dạy và khối lượng kiến thức môn học GDQP&AN .....	9
Điều 22. Kiểm tra, đánh giá học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng&An ninh .....	9
Điều 23. Tổ chức thi kết thúc học phần, học lại, học cải thiện các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng&An ninh .....	9
Điều 24. Điều kiện cấp chứng chỉ và xếp loại môn học Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng&An ninh .....	10
Chương 7 THỰC TẬP TỐT NGHIỆP, KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP VÀ XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP .....	10
Điều 25. Thực tập tốt nghiệp .....	10
Điều 26. Tổ chức làm khoá luận tốt nghiệp hoặc học các học phần thay thế .....	11
Điều 27. Khoá luận tốt nghiệp (KLTN) .....	11
Điều 28. Xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp .....	11
Chương 8 QUẢN LÝ VÀ CẤP PHÁT BẰNG TỐT NGHIỆP .....	12
Điều 29. Việc quản lý, cấp phát bằng tốt nghiệp .....	12
Chương 9 XỬ LÝ VI PHẠM .....	12
Điều 30. Xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm .....	12
Chương 10 TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH .....	12
Điều 31. Tổ chức thực hiện .....	12
Điều 32. Điều khoản thi hành .....	13

